TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 336/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06/9/2018
V/v "Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN – TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Tươi
2. Bà Võ Thị Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa***:** Bà Đinh Thị Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường TAND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 185/2018/TLST-HNGĐ, ngày 21/5/2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2018 giữa:

1/Nguyên đơn: Bà Lương Thị Thanh D - Sinh năm: 1989 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn TĐ, xã ĐP, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

*2/Bị đơn**:*** Ông Huỳnh Nguyên T - Sinh năm: 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn TB, xã ĐT, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.
Nơi đơn vị đóng quân: Ban chỉ huy Quân sự huyện ĐL

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 5 năm 2018 và các lời khai tại Tòa nguyên đơn bà Lương Thị Thanh D trình bày: Bà Lương Thị Thanh D và ông Huỳnh Nguyên T kết hôn vào ngày 24 tháng 5 năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, thị xã Điện Bàn, kết hôn hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T không có trách nhiệm với vợ, con,

thường xuyên cờ bạc gây nợ nần để người khác nhiều lần đến đòi nợ bà D và gia đình bên vợ. Bản thân bà D đã nhiều lần khuyên bảo, nhưng ông T vẫn không thay đổi, từ đó vợ chồng cải vả nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay.

Nay bà D xét thấy không thể duy trì cuộc sống chung với ông T nên yêu cầu được ly hôn ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Huỳnh Nguyên T – Sinh ngày 17/10/2014. Hiện nay con đang sống với bà D, bà D yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn ông Huỳnh Nguyên T trình bày tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án như sau: Ông Huỳnh Nguyên T và bà Lương Thị Thanh D kết hôn vào ngày 24 tháng 5 năm 2011, có đăng ký hôn tại UBND xã ĐT, kết hôn hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà cha, mẹ ruột của ông T ở xã ĐT, thị xã Điện Bàn. Trong thời gian chung sống, ông T có đánh bạc, bà D khuyên ông T đã thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay. Vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, nhưng do bản chất công việc là bộ đội thường xuyên vắng nhà nên bà D làm đơn yêu cầu ly hôn. Bản thân ông T còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 1 con chung Huỳnh Nguyên T – Sinh ngày: 17/10/2014. Nếu ly hôn ông T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung: Không có

Tóm tắc ý kiến của Kiểm sát viên

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn ông Huỳnh Nguyên T nhiều lần vắng mặt không có lý do.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xử cho bà D được ly hôn ông T, giao con Huỳnh Nguyên T cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, buộc ông T cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là: 2.000.000 đồng, ông T có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lương Thị Thanh D yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung đối với ông Huỳnh Nguyên T, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS tranh chấp ly hôn và nuôi con

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Ông Huỳnh Nguyên T là quân nhân hiện nay đơn vị đóng quân tại: Ban chỉ huy quân sự huyện ĐL theo quy định tại Điều 44 Bộ luật Dân sự và Điều 16 Luật Cư trú thì nơi cư trú của ông Huỳnh Nguyên T tại huyện ĐL. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện ĐL, tuy nhiên vào ngày 27/7/2018 ông T và bà D tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết vụ án, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Điện Bàn

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Thanh D và ông Huỳnh Nguyên T kết hôn vào ngày 24 tháng 5 năm 2011, có đăng ký hôn tại UBND xã ĐT, thị xã Điện Bàn kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng không tự vun đắp và gìn giữ hạnh phúc gia đình dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà D khai là do ông T không có trách nhiệm với vợ, con, thường xuyên đánh bài bạc gây nợ nần chồng chất để người ta đến đòi nợ vợ và gia đình bên vợ. Từ đó vợ chồng xảy ra cải vả, mâu thuẫn phát sinh vợ chồng không còn tình cảm nên đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay. Ông T thừa nhận có đánh bài bạc, bà D khuyên nay ông T đã thay đổi và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Trong trường hợp này xét thấy bà D và ông T không còn tin tưởng và tôn trọng nhau, thực tế hai người không sống chung với nhau hơn một năm nay, trong thời gian sống ly thân ông T không tìm cách thuyết phục, động viên bà D về đoàn tụ chung sống, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận xử cho bà D được ly hôn với ông T phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung Huỳnh Nguyên T – Sinh ngày 17/10/2014. Cả hai đều có nguyện vọng được nuôi con chung sau khi ly hôn, ông T và bà D hiện nay có việc làm và thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con chung, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Bà D hiện nay công tác tại Trung tâm Dân số thị xã Điện Bàn làm việc trong giờ hành chính, có thời gian và điều kiện chăm sóc con, hơn nữa cháu T còn nhỏ là bé gái nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân cháu T đã sống cùng bà D, được bà D chăm sóc, nuôi dưỡng rất tốt. Đối với ông T là quân nhân do tính chất công việc trong quân đội phải thường xuyên trực ngày và đêm nên điều kiện nuôi con không đảm bảo. Do đó để đảm bảo ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho con chưa thành niên, đồng thời giữ nguyên môi trường sống, sinh hoạt của con HĐXX cần phải giao con chung cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Bà D yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét yêu cầu của bà D thấy rằng: Theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Bà D yêu cầu

ông T cấp dưỡng nuôi con chung là đúng quy định của pháp luật, thu nhập hàng tháng của ông T là 10.357.000 đồng nên mức cấp dưỡng bà D yêu cầu 2.000.000 đồng mỗi tháng là phù hợp. Để đảm bảo lợi ích về mọi mặt cho con và đáp ứng nhu cầu chi phí sinh hoạt hàng ngày của con chưa thành niên, do đó HĐXX buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 2.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ tháng 09/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Điều 147 BLTTDS thì bà D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông T phải chịu 300.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 468 Bộ luật Dân sự, Luật Phí và lệ phí, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Thanh D đối với ông Huỳnh Nguyên T về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lương Thị Thanh D và ông Huỳnh Nguyên T.

2. Về nuôi con chung: Có 01 con chung

Giao con Huỳnh Nguyên T – Sinh ngày 17/10/2014 cho bà Lương Thị Thanh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng *(Huỳnh Nguyên T hiện nay đang sống cùng bà Lương Thị Thanh D).*

Buộc ông Huỳnh Nguyên T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện định kỳ hằng tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ tháng 9/2018 đến khi Huỳnh Nguyên T đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, ông Huỳnh Nguyên T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Lương Thị Thanh D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số: 0009057,

ngày 21/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Lương Thị Thanh D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Nguyên T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa gửi đến./

Nơi nhận:
- Những người TGTT;
- VKS, THA;
- Công an TX Điện Bàn;
- Tòa án Tỉnh;
- UBND xã ĐT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Nhung